

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		171.362.484.770	161.951.634.381
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	17.640.183.689	19.517.661.300
1. Tiền	111		6.640.183.689	12.517.661.300
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.000.000.000	7.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.659.359.500	7.924.465.001
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	4.323.852.470	14.241.925.736
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(2.664.492.970)	(6.317.460.735)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		107.369.375.342	82.311.352.760
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	50.331.699.957	47.826.909.757
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	3.390.407.871	2.714.431.434
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	59.453.267.135	37.576.011.190
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(5.805.999.621)	(5.805.999.621)
IV. Hàng tồn kho	140		39.760.669.351	46.376.037.663
1. Hàng tồn kho	141	V.8	47.084.919.362	52.367.625.993
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.9	(7.324.250.011)	(5.991.588.330)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.932.896.888	5.822.117.657
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	232.047.315	132.333.429
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		216.602.737	1.353.631.022
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.11	690.030.771	690.030.771
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.12	3.794.216.065	3.646.122.435
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		134.498.589.373	132.664.284.592
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
II. Tài sản cố định		220		17.191.030.450	15.618.102.962
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.13	10.358.177.828	10.284.437.952
	<i>Nguyên giá</i>	222		19.213.867.146	18.121.162.511
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(8.855.689.318)	(7.836.724.559)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.14	5.425.030.640	4.995.039.818
	<i>Nguyên giá</i>	228		5.896.832.946	5.380.992.840
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(471.802.306)	(385.953.022)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.15	1.407.821.982	338.625.192
III. Bất động sản đầu tư		240	V.16	26.197.183.437	26.773.636.617
	<i>Nguyên giá</i>	241		28.610.873.830	28.610.873.830
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(2.413.690.393)	(1.837.237.213)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		250		90.433.995.020	89.044.462.467
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.17	64.105.056.000	62.973.201.366
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.18	28.285.558.448	28.385.814.448
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.19	(1.956.619.428)	(2.314.553.347)
V. Tài sản dài hạn khác		260		676.380.466	1.228.082.546
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.20	676.380.466	1.228.082.546
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.21	-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		305.861.074.143	294.615.918.973
NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		51.492.857.324	56.571.572.150
I. Nợ ngắn hạn		310		51.492.857.324	56.520.033.038
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.22	29.138.134.888	44.120.677.000
2.	Phải trả người bán	312	V.23	17.628.515.056	6.834.313.362
3.	Người mua trả tiền trước	313		73.419.088	76.429.642
4.	Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.24	117.030.952	171.878.596
5.	Phải trả người lao động	315		-	6.100.000
6.	Chi phí phải trả	316	V.25	3.622.402.230	1.209.643.693
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.26	913.355.110	1.213.519.374
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.27	-	2.887.471.371
12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kê toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
II. Nợ dài hạn	330			
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	51.539.112
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	51.539.112
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		254.368.216.819	238.044.346.823
I. Vốn chủ sở hữu	410		254.368.216.819	238.044.346.823
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.28	95.699.000.000	95.699.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.28	117.533.777.249	117.533.777.249
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.28	11.025.017.419	11.025.017.419
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.28	30.110.422.151	13.786.552.155
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		305.861.074.143	294.615.918.973

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kê toán tổng hợp (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	
	Số cuối quý	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		
4. Nợ khó đòi đã xử lý		
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		

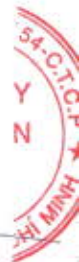
TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2012



Lê Ngọc Phú
Người lập biểu



Phạm Thúy Oanh
Kế toán trưởng


Vũ Quốc Vinh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TIEĐịa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TÔNG HỢP

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BẢO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TÔNG HỢP**
Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		Đơn vị tính: VND		
		Năm nay	Năm trước	Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	94.515.604.394	124.888.342.456	293.582.489.999	356.395.391.872
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL.1	1.190.553.090	711.078.200	6.145.285.338	971.438.452
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL.1	93.325.051.304	124.177.264.256	287.437.204.661	355.423.953.420
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.2	92.140.159.394	119.142.045.322	278.465.667.740	347.314.588.678
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.184.891.910	5.035.218.934	8.971.536.921	8.109.364.742
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.3	23.379.032.087	23.008.889.523	55.155.443.907	45.096.292.877
7. Chi phí tài chính	22	VL.4	1.241.912.986	4.543.422.268	6.170.826.795	6.676.074.006
Trong đó: chi phí lãi vay	23		788.527.697	895.767.391	5.109.249.707	1.696.335.247
8. Chi phí bán hàng	24	VL.5	8.629.992.255	6.100.400.367	22.230.743.149	14.507.753.929
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL.6	3.434.140.515	5.940.140.484	12.726.041.306	13.963.454.161
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.257.878.241	11.460.145.338	22.999.369.578	18.058.375.523
11. Thu nhập khác	31	VL.7	1.484.225.832	2.555.117.876	6.967.885.865	13.136.425.362
12. Chi phí khác	32	VL.8	103.445.676	111.531.129	245.525.447	112.536.214
13. Lợi nhuận khác	40		1.380.780.156	2.443.586.747	6.722.360.418	13.023.889.148
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.638.658.397	13.903.732.085	29.721.729.996	31.082.264.671
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.24				

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012



CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		Quý IV		Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52						
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	12.638.658.397	13.903.732.085	29.721.729.996	31.082.264.671		
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL9	1.321	1.453	3.106	3.248	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2012

Lê Ngọc Phú
Người lập biểu

Phạm Thúy Anh
Kế toán trưởng



Vũ Quốc Vinh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ tháng 01 đến tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ tháng 01 đến tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	Đơn vị tính: VND	
		Lũy kế từ đầu năm Năm nay	đến cuối kỳ này Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	317.184.789.942	374.450.194.217
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(283.646.022.539)	(376.659.312.752)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(18.631.418.347)	(15.191.938.162)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(5.302.905.708)	(1.576.234.802)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	6.390.467.063	15.394.669.840
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(22.026.155.947)	(27.141.761.723)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(6.031.245.536)	(30.724.383.382)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(535.147.124)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.968.892.139)	(5.290.712.991)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	5.024.543.626
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	36.444.077.052	46.588.231.060
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	31.940.037.789	46.322.061.695

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ tháng 01 đến tháng 12 năm 2012

Bảng lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-	-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		89.334.736.322	96.799.443.085		
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(103.817.278.434)	(85.300.664.117)		
6. Cô tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(13.304.145.143)	(24.389.737.250)		
			(27.786.687.255)	(12.890.958.282)		

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(1.877.895.002)	2.706.720.031		
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	19.517.661.300	16.798.113.156		
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		417.391	12.828.113		
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	17.640.183.689	19.517.661.300		

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2012


Lê Ngọc Phú
Người lập biểu

Phạm Thúy Oanh
Kế toán trưởngVũ Quốc Vinh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất -thương mại
- Ngành nghề kinh doanh** : Thiết kế sản xuất, gia công lắp ráp và kinh doanh các mặt hàng điện tử dân dụng; Cho thuê nhà xưởng, kho bãi; Đại lý ký gửi hàng hóa; Tư vấn và thiết kế phần mềm máy tính cũng như mạng máy tính.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp tính giá hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.



CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

• Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

• Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08-50
Máy móc và thiết bị	5 - 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5

6. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

0301
CÔNG
CỔ P
TI
10-TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư là các quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Bất động sản đầu tư là các quyền sử dụng đất và được khấu hao 50 năm.

8. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 10 năm.

Bản quyền phần mềm máy tính

Bản quyền phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra để mua bản quyền sử dụng phần mềm Microsoft. Chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không tính khấu hao đối với diện tích 173,3 m² đất tại 249 Nguyễn Trung Trực, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các công ty liên kết được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa được ghi nhận theo thực tế phát sinh và phân bổ dần vào chi phí trong thời gian tối đa là 3 năm.

1345
i TY
HÃN
E
HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải

13. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và Bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải chi trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

14. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hoá đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.



CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp(tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2012	01/01/2012
Tiền mặt	453.514.326	473.724.041
Tiền gửi ngân hàng	6.186.669.363	12.043.937.259
Các khoản tương đương tiền	11.000.000.000	7.000.000.000
Cộng	17.640.183.689	19.517.661.300

2. Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cty ĐTPT và KCN Sóng Đà (SJS)	44.000	2.623.600.000	34.000	2.324.100.000
Cty CP XD-KD Địa ốc Hòa Bình (HBC)	15	60.000	7	60.000
NH TM CP Sài Gòn Thương Tín (STB)	20.005	443.592.470	108.675	2.190.750.000
Cty CP CK Đại Việt	20.000	980.000.000	20.000	980.000.000
Ngân hàng Vietcombank(VCB)	10.000	276.600.000	-	-
Công ty TNHH Dụng Cụ Điện Việt Nam	-	-	-	7.919.015.736
Công ty Cổ phần Dầu Tường An(TAC)	-	-	6.000	828.000.000
Cộng		4.323.852.470		14.241.925.736

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và KCN Sóng Đà: tăng do mua thêm 10.000 cổ phiếu với giá mua là 299.500.000 VND.
- Cổ phiếu Công ty CP XD -KD Địa ốc Hòa Bình : tăng do trong năm nhận cổ tức 8 cổ phiếu.
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dầu Tường An giảm do bán toàn bộ cổ phiếu.
- Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam: tăng do trong năm mua 10.000 cổ phiếu với giá mua là 276.600.000 VND.
- Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín: giảm do trong kỳ bán 108.670 cổ phiếu giá vốn : 2.190.678.530 VND và mua 20.000 Cổ phiếu với giá mua : 443.521.000 VND.
- Khoản đầu tư vào Cty TNHH Dụng Cụ Điện Việt Nam: giảm do trong kỳ đã chuyển nhượng vốn góp cho Cty TNHH Applied Technology Precision theo Nghị Quyết số 10-2012/NQ-HĐQT ngày 18/06/2012 và Hợp đồng chuyển nhượng số 73N/HĐ-CNV ngày 18/06/2012.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	31/12/2012	01/01/2012
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(2.664.492.970)	(6.317.460.735)

4. Phải thu khách hàng

	31/12/2012	01/01/2012
Tại Văn phòng Công ty	49.163.457.863	46.897.904.103
Tại Chi nhánh Cần Thơ	234.925.484	228.463.023
Tại Chi nhánh Hà Nội	891.397.860	672.615.131
Tại Chi nhánh Phú Quốc	41.918.750	27.927.500
Cộng	50.331.699.957	47.826.909.757

Trong đó :

(*) Khoản phải thu Công ty TNHH Tin Học Điện Tử Thuận An 2.421.569.620 VND đã được lập dự phòng do liên quan đến các lô hàng bán đang có tranh chấp tại Chi nhánh Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**5. Trả trước cho người bán**

	31/12/2012	01/01/2012
Tại Văn phòng Công ty	3.264.407.871	1.711.416.434
Tại Chi nhánh Phú Quốc	126.000.000	1.003.015.000
Cộng	3.390.407.871	2.714.431.434

6. Các khoản phải thu khác

	31/12/2012	01/01/2012
Cổ tức và lợi nhuận được chia	50.400.000.000	33.600.000.000
Thu hỗ trợ của nhà cung cấp	1.000.000.000	-
Công ty chứng khoán Ngân hàng Đông Á	1.041.322.827	261.328.227
Dự án cao ốc 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10	-	8.077.570
Công Ty Cổ Phần Viễn Thông Thế Hệ Mới (NGT-Corp)	3.210.000.000	3.210.000.000
Thù Lao Hội Đồng Quản Trị	452.481.966	-
Tạm chi quỹ khen thưởng phúc lợi	3.223.819.651	-
Các khoản phải thu khác	125.642.691	496.605.393
Cộng	59.453.267.135	37.576.011.190

(*) Khoản phải thu Cty CP Viễn thông Thế hệ mới (NGT Cor.) đã được lập dự phòng từ năm 2008 do khó có khả năng thu hồi.

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2012	01/01/2012
<i>Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán</i>		
Khoản phải thu Lê Nguyên Vũ	(35.000.000)	(35.000.000)
Khoản phải thu Cty CP thế hệ mới NGT	(3.210.000.000)	(3.210.000.000)
Khoản phải thu Cty TH Điện Tử Thuận An	(2.421.569.620)	(2.421.569.620)
Khoản phải thu Cty CP Điện máy - Máy tính Viễn Thông Hợp Nhất	(139.430.001)	(139.430.001)
Cộng	(5.805.999.621)	(5.805.999.621)

8. Hàng tồn kho

	31/12/2012	01/01/2012
Hàng mua đang đi trên đường	123.065.463	3.069.832.896
Nguyên liệu, vật liệu	1.051.450.497	188.256.275
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	35.427.635	41.216.504
Thành phẩm	647.548.246	116.837.196
Hàng hóa	45.227.427.521	48.614.645.426
Hàng gửi đi bán	-	336.837.696
Cộng	47.084.919.362	52.367.625.993

9. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

31/12/2012	01/01/2012
(7.324.250.011)	(5.991.588.330)

Trong đó, dự phòng giá trị hàng tồn kho bị mất tại Chi nhánh Hà Nội là : 3.458.322.435 VND.

10. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Đầu kỳ 01/01/2012	Tăng trong kỳ	Kết chuyển trong kỳ	Cuối kỳ 31/12/2012
Tại Văn phòng Công ty	117.564.772	1.359.214.097	1.264.801.596	211.977.273
Tại Chi nhánh Hà Nội	3.027.273	37.834.313	40.861.586	-
Tại Chi nhánh Phú Quốc	11.741.384	843.588.928	835.260.270	20.070.042
Cộng	132.333.429	2.240.637.338	2.140.923.452	232.047.315

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**11. Tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2012	01/01/2012
Tài sản thiếu chờ xử lý(*)	3.458.322.435	3.458.322.435
Tạm ứng	280.893.630	132.800.000
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	55.000.000	55.000.000
Cộng	3.794.216.065	3.646.122.435

* Giá trị hàng tồn kho bị mất tại Chi nhánh Hà Nội. Khoản này đã được lập dự phòng toàn bộ vào cuối 2010

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
1. Số đầu kỳ	12.713.714.365	571.328.984	4.002.861.860	833.257.302	18.121.162.511
2. Tăng trong kỳ	250.000.000	99.275.091	848.436.442	151.179.909	1.348.891.442
Trong đó	-	-	-	-	-
Điều chuyển	-	-	256.186.807	-	256.186.807,00
Mua mới	250.000.000	99.275.091	592.249.635	151.179.909	1.092.704.635
3. Giảm trong kỳ	-	-	256.186.807	-	256.186.807
4. Số cuối kỳ	12.963.714.365	670.604.075	4.595.111.495	984.437.211	19.213.867.146

Trong đó: Đã
khấu hao hết
nhưng vẫn
còn sử dụng

	568.062.102	548.147.166	255.000.000	609.620.766	1.980.830.034
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:				1.980.830.034	đồng

Giá trị hao mòn

Số đầu kỳ	5.245.140.229	549.182.190	1.366.946.750	675.455.390	7.836.724.559
Tăng trong kỳ	489.400.476	16.102.166	402.140.510	111.321.607	1.018.964.759
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	5.734.540.705	565.284.356	1.769.087.260	786.776.997	8.855.689.318

Giá trị còn lại

Số đầu kỳ	7.468.574.136	22.146.794	2.635.915.110	157.801.912	10.284.437.952
Số cuối kỳ	7.229.173.660	105.319.719	2.826.024.235	197.660.214	10.358.177.828

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm QTDN	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	858.492.840	4.522.500.000	5.380.992.840
Tăng trong kỳ	-	515.840.106	515.840.106
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	858.492.840	5.038.340.106	5.896.832.946

Giá trị hao mòn

Số đầu kỳ	385.953.022	-	385.953.022
Tăng trong kỳ	85.849.284	-	85.849.284
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	471.802.306	-	471.802.306

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp(tiếp theo)**Giá trị còn lại**

Số đầu kỳ	472.539.818	4.522.500.000	4.995.039.818
Số cuối kỳ	386.690.534	5.038.340.106	5.425.030.640

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu kỳ 01/01/2012	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển trong kỳ	Số cuối kỳ 31/12/2012
Chi phí XDCB trụ sở VP CN Phú Quốc	166.784.416	1.069.196.790	-	1.235.981.206
Thiết kế cửa hàng kinh doanh sản phẩm điện - điện tử tin học	81.818.182	-	-	81.818.182
Các công trình khác	90.022.594	-	-	90.022.594
Cộng	338.625.192	1.069.196.790	-	1.407.821.982

15. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Số đầu kỳ 01/01/2012	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ 31/12/2012
Nguyên giá	28.610.873.830	-	-	28.610.873.830
Giá trị hao mòn	1.837.237.213	576.453.180	-	2.413.690.393
Giá trị còn lại	26.773.636.617			26.197.183.437

Bất động sản đầu tư gồm:

• Quyền sử dụng thửa đất tại đường Dương Đông – An Thới, khu phố 7, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang với tổng diện tích 7.825,9 m2. Thời gian sử dụng đất là 50 năm kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2007 đến ngày 10 tháng 12 năm 2057.

• Quyền sử dụng đất đối với 38.887,9 m2 đất tại phường Bình Chuẩn, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương với thời gian sử dụng đất là 50 năm.

16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina		53.665.056.000		53.665.056.000
- Công ty CP Đầu Tư TIE-EXIM		10.440.000.000		9.308.145.366
Cộng		64.105.056.000		62.973.201.366

* Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina bằng quyền sử dụng 58.200 m2 đất tại xã Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh với giá trị tương đương 3.492.000 USD hay 53.665.056.000 VND trong vòng 20 năm kể từ năm 1995, tương đương 20% vốn điều lệ.

* Theo Giấy chứng nhận số 0311278495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư TIE – EXIM 10.440.000.000 VND, tương đương 29% vốn điều lệ. Công ty đã đầu tư bằng các khoản chi hộ, tiền mặt và giá trị chi phí đền bù giải phóng mặt bằng.

17. Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư cổ phiếu	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
NH TMCP Xuất nhập khẩu VN(EIB)	730.078	8.182.728.448	822.289	10.782.984.448
Cty CP vận chuyển Saigon Tourist(S)	58.212	603.120.000	58.212	603.120.000
Cty CP DV Bưu chính VT Sài Gòn	1.431.327	8.674.710.000	1.431.327	8.674.710.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cty CP BĐS Sài Gòn Đồng Dương	850.000	8.500.000.000	600.000	6.000.000.000
Cty CP Văn hóa Tân Bình(ALT)	40.875	2.325.000.000	40.875	2.325.000.000
Cộng		28.285.558.448		28.385.814.448

Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam giảm do trong kỳ Công ty bán 232.000 cổ phiếu và nhận 139.789 cổ phiếu thưởng.

Trong năm 2012, góp vốn bổ sung vào Công ty CP BĐS Sài Gòn Đồng Dương là : 2.500.000.000 VND

19. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	31/12/2012	01/01/2012
	(1.956.619.428)	(2.314.553.347)

20. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu kỳ 01/01/2012	Tăng trong kỳ	K/chuyển vào cphi SX trong kỳ	Số cuối kỳ 31/12/2012
Tại Văn phòng Công ty	1.228.082.546	1.053.645.763	1.627.347.052	654.381.257
Tại Chi nhánh Cần Thơ	0	20.851.541	20.851.541	0
Tại Chi nhánh Hà Nội	0	22.418.598	419.389	21.999.209
Cộng	1.228.082.546	1.096.915.902	1.648.617.982	676.380.466

21. Vay và nợ ngắn hạn

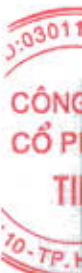
Vay ngắn hạn NHTM cổ phần Công thương VN - CN TPHCM	31/12/2012	01/01/2012
	19.138.134.888	44.120.677.000
Vay ngắn hạn Tổng Cty Công Nghiệp Sài Gòn - TNHH Một Thành Viên	10.000.000.000	-
	29.138.134.888	44.120.677.000

Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để phục vụ kế hoạch kinh doanh năm 2012 thông qua Hợp đồng cho vay theo hạn mức tín dụng số 12.1462001/HĐTĐHM ngày 17 tháng 4 năm 2012. Hai bên thỏa thuận nội dung hạn mức cho vay không có đảm bảo bằng tài sản tương đương là 70 tỷ VND (bao gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi) với lãi suất là lãi suất công bố tại thời điểm nhận nợ

Khoản vay ngắn hạn Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV để phục vụ kế hoạch kinh doanh năm 2012 theo Hợp đồng vay 30N/HĐ/TIE12 ngày 22 tháng 02 năm 2012. Hai bên thỏa thuận nội dung hạn mức cho vay không có đảm bảo bằng tài sản là 10 tỷ VND với lãi suất theo thỏa thuận nhưng không quá lãi suất quy định của Ngân hàng Nhà nước.

22. Phải trả người bán

Tại Văn phòng Công ty	31/12/2012	01/01/2012
Cty TNHH Điện Tử Samsung Vina	17.628.515.056	6.834.313.362
Phải trả các nhà cung cấp khác	16.010.730.868	6.352.295.859
Tại Chi nhánh Phú Quốc	1.617.784.188	482.017.503
Tại Chi nhánh Cần Thơ	-	-
Tại Chi nhánh Hà Nội	-	-
Cộng	17.628.515.056	6.834.313.362



CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp(tiếp theo)**23. Người mua trả tiền trước**

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Tại Văn phòng Công ty	19.899.088	76.429.642
Tại Chi nhánh Phú Quốc	53.520.000	-
Cộng	<u>73.419.088</u>	<u>76.429.642</u>

24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu kỳ 01/01/2012</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ 31/12/2012</u>
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	44.644.769	1.202.462.646	(1.247.107.415)	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	47.470.349	2.711.676.075	(2.723.977.320)	35.169.104
- Thuế xuất, nhập khẩu	9.307.910	96.646.699	(105.954.609)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	(690.030.771)	-	-	(690.030.771)
- Thuế thu nhập cá nhân	70.455.568	726.845.786	(715.439.506)	81.861.848
- Tiền thuế đất, thuế nhà đất	-	981.368.831	(981.368.831)	-
- Các loại thuế khác	-	9.000.000	(9.000.000)	-
Cộng	<u>(518.152.175)</u>	<u>5.728.000.037</u>	<u>(5.782.847.681)</u>	<u>(572.999.819)</u>

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Quý IV	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.638.658.397	13.903.732.085
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(23.224.525.000)	0
- Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập	(23.224.525.000)	-
Tổng thu nhập chịu thuế	(10.585.866.603)	13.903.732.085
Thu nhập được miễn thuế	-	(22.600.004.200)
Thu nhập tính thuế	(10.585.866.603)	(8.696.272.115)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Kinh phí công đoàn	56.718.004	49.975.824
Thù Lao Hội Đồng Quản Trị	-	329.868.034
Chi Cổ Tức Cho Cổ Đông	455.463.857	361.749.000
Cty Cổ Phần Bất Động Sản E XIM	-	345.115.075
Các khoản phải trả khác	401.173.249	126.811.441
Cộng	<u>913.355.110</u>	<u>1.213.519.374</u>

26. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	51.539.112

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp(tiếp theo)**27. Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu kỳ	95.699.000.000	117.533.777.249	11.025.017.419	13.786.552.155
Lợi nhuận tăng trong kỳ				29.721.729.996
Chia cổ tức năm 2011				(13.397.860.000)
Số dư cuối kỳ	95.699.000.000	117.533.777.249	11.025.017.419	30.110.422.151

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

		Tỷ lệ (%)
Vốn đầu tư của Nhà nước	66.989.300.000	70%
Vốn góp của các cổ đông	28.709.700.000	30%
Cộng	95.699.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp(tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu**

	Quý IV	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	94.515.604.394	124.888.342.456
- Doanh thu bán hàng hóa	87.716.184.948	118.459.091.318
- Doanh thu bán thành phẩm	1.136.206.502	121.863.511
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	286.663.091	56.404.363
- Doanh thu khác	2.045.455	100.418.183
- Doanh thu của Chi nhánh Phú Quốc	2.240.448.720	3.095.792.393
- Doanh thu của Chi nhánh Hà Nội	1.852.428.325	2.498.474.584
- Doanh thu của Chi nhánh Cần Thơ	1.281.627.353	556.298.104
Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.190.553.090)	(711.078.200)
- Hàng bán bị trả lại	(1.190.553.090)	(711.078.200)
Doanh thu thuần	93.325.051.304	124.177.264.256

2. Giá vốn hàng bán

	Quý IV	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thành phẩm xuất bán	1.193.640.673	356.542.925
Giá vốn của hàng hóa xuất bán	86.311.091.047	113.582.168.754
Giá vốn Chi nhánh Phú Quốc	1.766.631.251	2.414.435.150
Giá vốn Chi nhánh Hà Nội	1.683.761.406	2.221.184.013
Giá vốn Chi nhánh Cần Thơ	1.185.035.017	567.714.480
Cộng	92.140.159.394	119.142.045.322

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý IV	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	153.447.981	381.833.584
Lãi đầu tư cổ phiếu	24.525.000	-
Cổ tức lợi nhuận được chia	23.200.000.000	22.600.004.200
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.059.106	25.191.365
Khác	-	1.860.374
Cộng	23.379.032.087	23.008.889.523

4. Chi phí tài chính

	Quý IV	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	788.527.697	895.767.391
Lỗ đầu tư cổ phiếu	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	27.104.203	727.332.503
Chi phí chiết khấu thanh toán	148.626.013	-
Dự phòng giảm giá đầu tư	277.655.073	2.918.802.024
Chi phí khác	-	1.520.350
Cộng	1.241.912.986	4.543.422.268

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp(tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	Quý IV	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.908.272.635	1.435.731.829
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.341.498	10.678.327
Chi phí khấu hao tài sản cố định	170.061.403	172.432.336
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	28.973.322	53.662.798
Chi phí bảo hành	122.662.282	49.548.724
Chi phí dịch vụ mua ngoài	752.686.586	908.872.795
Chi phí bằng tiền khác	4.632.994.529	3.469.473.558
Cộng	8.629.992.255	6.100.400.367

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý IV	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.568.327.191	1.265.720.297
Chi phí vật liệu quản lý	62.125.975	40.085.843
Chi phí đồ dùng văn phòng	33.773.600	43.169.641
Chi phí khấu hao tài sản cố định	246.843.825	249.340.325
Thuế, phí và lệ phí	252.585.331	118.468.743
Chi phí dự phòng	-	2.560.999.621
Chi phí dịch vụ mua ngoài	311.223.402	840.692.116
Chi phí bằng tiền khác	959.261.191	821.663.898
Cộng	3.434.140.515	5.940.140.484

7. Thu nhập khác

	Quý IV	
	Năm nay	Năm trước
Thu hỗ trợ tiền bán hàng từ nhà sản xuất	1.439.600.870	2.508.692.316
Thu nhập khác	44.624.962	46.425.560
Cộng	1.484.225.832	2.555.117.876

8. Chi phí khác

	Quý IV	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khác	103.445.676	111.531.129
Cộng	103.445.676	111.531.129

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và kế toán

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Quý IV	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	391.332.135	357.573.528
Tiền thưởng	500.000	117.944.000
Tiền thù lao	86.700.000	155.700.000
Cộng	478.532.135	631.217.528

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina

Công ty Cổ phần Đầu tư TIE -EXIM

Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV

Công ty TNHH Dụng cụ điện Việt Nam

Mối quan hệ

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty mẹ

Công ty liên kết (Công ty đã chuyển nhượng khoản)

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Quý IV	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina		
Mua hàng	66.517.481.142	95.525.247.592
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.374.390.497	438.131.701
Lợi nhuận được hưởng	23.200.000.000	22.600.000.000
Thu hỗ trợ	1.024.190.909	2.545.706.240
Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV		
Lãi vay	370.555.556	
Công ty Cổ phần Đầu tư TIE -EXIM		
Góp vốn		9.308.145.366
Thu lại tiền thuê đất 376 Điện Biên Phủ		29.051.510.727
Công ty TNHH Dụng cụ điện Việt Nam		
Chi hộ		2.228.463
Cho mượn		143.634.680

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp(tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau :

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.003.088.895	247.109.614
Lợi nhuận phải thu	50.400.000.000	33.600.000.000
Phải thu hỗ trợ	1.000.000.000	
Công ty TNHH Dụng cụ điện Việt Nam		
Phải thu tiền bán hàng		108.000.000
Cho mượn		143.634.680
Công ty Cổ phần Đầu tư TIE -EXIM		
Chi hộ	-	8.077.570
Cộng nợ phải thu	<u>52.403.088.895</u>	<u>34.106.821.864</u>
Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina		
Phải trả tiền mua hàng	16.010.730.868	6.352.295.859
Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV		
Tiền vay phải trả	10.000.000.000	
Cộng nợ phải trả	<u>26.010.730.868</u>	<u>6.352.295.859</u>

Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản phải thu từ các bên liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2012




Lê Ngọc Phú
Người lập biểu



Phạm Thúy Oanh
Kế toán trưởng




Vũ Quốc Vinh
Tổng Giám đốc